TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 10-4-2023
V/v "Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi góp vốn xoay vòng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The – Kiểm sát viên

Trong các ngày 04 và 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi góp vốn xoay vòng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Kim Ph, sinh năm 1963; (Có mặt)

2. Bà Trần Thị Ái N, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972; (Có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)

5. Bà Trương Thị L, sinh năm 1967;

6. Chị Đinh Tuyết Ng, sinh năm 1993; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh L.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980;

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; (Xin vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977;

10. Bà Nguyễn Thị L1 (tên gọi khác là Lan), sinh năm 1972;

11. Bà Phạm Thị Thu N1 (tên gọi khác là Nương), sinh năm 1977;

12. Bà Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)

13. Bà Nguyễn Thanh Th (tên gọi khác là Lan), sinh năm 1985; (Xin vắng mặt).

14. Bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1974; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L.

Bà Trương Thị L; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị L1 (tên gọi khác là Lan); bà Phạm Thị Thu N (tên gọi khác là Nương) cùng ủy quyền cho bà Lê Kim Ph đại diện tham gia tố tụng, theo các văn bản ủy quyền được UBND xã T chứng thực ngày 21/02/2023.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1970; ông Đỗ Minh H3, sinh năm 1965 và anh Đỗ Hoài Ph, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh L. (Bà L3, ông H3 có mặt; anh Ph xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nội dung khởi kiện của các nguyên đơn được tóm tắt như sau:

Bà Lê Kim Ph có thành lập các dây hụi để anh chị em tích lũy sản xuất, mua đất cất nhà với hình thức bỏ thăm kỳ (01 tháng, 02 tháng, 03 tháng) tùy từng dây, nếu ai thăm cao sẽ nhận tiền trước. Sau đó, người nhận tiền trước phải đóng lại theo giá ban đầu của từng dây như: Dây 500.000đ phải đóng lại 500.000đ, dây 1.000.000đ phải đóng lại 1.000.000đ…và phải đóng cho đến hết người cuối cùng. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia thì bà Nguyễn Thị L3 sau khi nhận tiền xong thì không đóng lại, cụ thể:

+ Dây 500.000đ, bà Nguyễn Thị L3 tham gia 02 dây, nợ 29.000.000đ, đã đóng được 10.000.000đ, còn nợ lại **19.000.000đ**.

+ Dây 1.000.000đ, bà Nguyễn Thị L3 tham gia 02 dây, nợ 84.000.000đ, đã đóng được 44.000.000đ, còn nợ lại **40.000.000đ**.

+ Dây 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị L3 tham gia 02 dây, nợ 98.000.000đ, đã đóng được 58.000.000đ, còn nợ lại **40.000.000đ**.

+ Dây 5.000.000đ, bà Nguyễn Thị L3 tham gia 01 dây, nợ 60.000.000đ, đã đóng được 5.000.000đ, còn nợ lại **55.000.000đ**.

Tổng cộng, bà Nguyễn Thị L3 còn nợ lại tổ góp vốn số tiền là 154.000.000đ. Trong quá trình khởi kiện bà Nguyễn Thị L3 có trả được số tiền 3.000.000đ, nên còn nợ lại 151.000.000đ.

Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L3, ông Đỗ Minh H3 và anh Đỗ Hoài Ph trả cho các thành viên còn lại của tổ góp vốn chưa được nhận tiền với số tiền là 151.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, bà Lê Kim Ph xác định tổng số tiền góp vốn xoay vòng các nguyên đơn kiện phía bị đơn phải trả chỉ còn là 143.000.000đ, cụ thể theo các dây hụi sau:

- Dây 500.000đ khui ngày 01/7/2018 phía bà L3 còn nợ là 16.000.000đ, trong đó: nợ bà bà Nguyễn Thị Nh 3.000.000đ; bà Phạm Thị Thu N (Nương) 1.000.000đ; bà Trương Thị L 1.000.000đ; bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 1.000.000đ; bà Lê Kim Ph 8.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph chàng 4.000.000đ)*; bà Nguyễn Ngọc H 1.000.000đ; bà Đinh Tuyết Ng 1.000.000đ.

- Dây 1.000.000đ khui ngày 15/3/2018 phía bà L3 còn nợ là 4.000.000đ, trong đó: nợ bà Đinh Tuyết Ng số tiền 1.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph số tiền 3.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph chàng 1.000.000đ)*.

- Dây 1.000.000đ khui ngày 12/3/2019 phía bà L3 còn nợ là 33.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị Nh 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 số tiền 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Ngọc H 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị M 2.000.000đ; nợ bà Trần Thị Ái Ng 2.000.000đ; nợ bà Phạm Thị N (Nương) 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 15.000.000đ *(gồm cả phần bà Phụng trả chàng là 9.000.000đ)*.

- Dây 2.000.000đ khui ngày 05/12/2018 phía bà L3 còn nợ là 20.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị Nh 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị B 2.000.000đ; nợ bà Trần Thị Ái Ng 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 12.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph trả chàng là 6.000.000đ)*.

- Dây 2.000.000đ khui ngày 25/7/2018 phía bà L3 còn nợ là 20.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị Mỹ L 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 14.000.000đ *(bao gồm cả 8.000.000đ do bà Ph trả chàng)*; nợ bà Nguyễn Thị B 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 2.000.000đ;

- Dây 5.000.000đ khui ngày 18/4/2019 phía bà L3 còn nợ là 50.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 là 10.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị L (Lan) là 5.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 là 5.000.000đ; bà Phạm Thị Thu N (Nương)là 5.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph là 25.000.000đ *(trong đó đã bao gồm phần bà Ph trả chàng 10.000.000đ)*.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, bà Nguyễn Ngọc H xác định phía bị đơn còn thiếu bà H ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 1.000.000đ, dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 4.000.000đ. Tổng cộng là 5.000.000đ. Bà H đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, bà Nguyễn Thị M xác định phía bị đơn còn thiếu bà M ở dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 2.000.000đ. Bà M đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, bà Nguyễn Thị L (Lan) xác định phía bị đơn còn thiếu bà L (Lan) ở dây hụi khui ngày 18/4/2019 là 5.000.000đ. Bà L (Lan) đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, bà Trần Thị Ái Ng xác định phía bị đơn còn thiếu bà Ng ở dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 2.000.000đ, dây hụi khui ngày 05/12/2018 là 2.000.000đ. Tổng cộng là 4.000.000đ. Bà Ng đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, bà Phạm Thị Thu N (Nương) xác định phía bị đơn còn thiếu bà N (Nương) ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 1.000.000đ, dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 2.000.000đ, dây hụi khui ngày 18/4/2019 là 5.000.000đ. Tổng cộng là 8.000.000đ. Bà N (Nương) đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ L xác định phía bị đơn còn thiếu bà Mỹ Lệ ở dây hụi khui ngày 25/7/2018 là 2.000.000đ. Bà Mỹ L đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 xác định phía bị đơn còn thiếu bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 ở dây hụi khui ngày 18/4/2019 là 5.000.000đ. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 xác định phía bị đơn còn thiếu bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 ở dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 4.000.000đ, dây hụi khui ngày 18/4/2019 là 10.000.000đ. Tổng cộng là 14.000.000đ. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 30/3/2023, bà Nguyễn Thị Nh xác định phía bị đơn còn thiếu bà Nh ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 3.000.000đ, dây hụi khui ngày 12/3/2019 là 4.000.000đ, dây hụi khui ngày 05/12/2018 là 2.000.000đ. Tổng cộng là 9.000.000đ. Bà Nh đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 30/3/2023, bà Trương Thị L xác định phía bị đơn còn thiếu bà Trương Thị L ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 1.000.000đ. Bà Trương Thị L đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 30/3/2023, bà Nguyễn Thanh Th (Lan) xác định phía bị đơn còn thiếu bà Nguyễn Thanh Th (Lan) ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 1.000.000đ, dây hụi khui ngày 05/12/2018 là 2.000.000đ, dây hụi khui ngày 25/7/2018 là 2.000.000đ. Tổng cộng là 5.000.000đ. Bà Nguyễn Thanh Th (Lan) đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 28/3/2023, bà Đinh Tuyết Ng xác định phía bị đơn còn thiếu bà Ng ở dây hụi khui ngày 01/7/2018 là 1.000.000đ, dây hụi khui ngày 15/3/2018 là 1.000.000đ. Tổng cộng là 2.000.000đ. Bà Ng đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

- Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, bà Nguyễn Thị B xác định phía bị đơn còn thiếu bà B ở dây hụi khui ngày 05/12/2018 là 2.000.000đ, dây hụi khui ngày 25/7/2018 là 2.000.000đ. Tổng cộng là 4.000.000đ. Bà B đồng ý để cho bà Lê Kim Ph đứng ra thu giúp số tiền nợ trên.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L3, ông Đỗ Minh H3 thống nhất trình bày: Ông bà chỉ có chơi hụi với bà Ph, không có việc góp vốn xoay vòng với các nguyên đơn, nên ông bà không đồng ý trả tiền nợ góp vốn xoay vòng 151.000.000đ theo yêu cầu của các nguyên đơn. Con của ông bà là anh Ph không có tham gia nên không có nghĩa vụ trả nợ. Nếu phía bà Ph cung cấp giấy tờ chơi hụi và đòi tiền hụi cụ thể thì ông bà đồng ý trả. Đối với các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, ông bà chỉ thừa nhận 03 chứng cứ sau:

- Biên nhận mượn nợ ngày 01/3/2019 âm lịch, ghi số tiền mượn tổ góp vốn xoay vòng là 15.550.000đ và **còn nợ lại tổ góp vốn xoay vòng là 15.000.000đ**, hứa trả mỗi tháng 01 lần 500.000đ, vào ngày Mùng 2 hàng tháng, có chữ ký người mượn mang tên L3. Tuy nhiên, đối với phần ghi chữ viết tay đoạn cuối biên nhận ngày 01/3/2019 âm lịch về số tiền mượn thêm tổ là 16.060.000đ nữa và nợ thêm là 14.000.000đ, thì ông bà không thừa nhận đó là chữ ký của bà L3.

- Biên nhận mượn nợ ngày 05/5/2019, ghi số tiền mượn tổ góp vốn xoay vòng là 43.600.000đ và **còn nợ lại tổ góp vốn xoay vòng là 42.000.000đ**, hứa trả mỗi tháng 01 lần 2.000.000đ, có chữ ký người mượn mang tên L3 và người thừa kế mang tên Đỗ Minh H3;

- Biên nhận mượn nợ ngày 17/5/2019 âm lịch, ghi số tiền mượn tổ góp vốn xoay vòng là 20.200.000đ và **còn nợ lại tổ góp vốn xoay vòng là 28.000.000đ**, hứa trả mỗi tháng 01 lần 1.000.000đ, vào ngày 17 hàng tháng, có chữ ký người mượn mang tên L3 và người thừa kế mang tên Đỗ Minh H3;

Ông bà không thừa nhận có ký tên vào các biên nhận gồm:

- Biên nhận mượn nợ ngày 25/10/2018 âm lịch, ghi số tiền mượn tổ góp vốn xoay vòng là 39.000.000đ và **còn nợ lại tổ góp vốn xoay vòng là 56.000.000đ**, hứa trả mỗi tháng 01 lần 2.000.000đ, vào ngày 25 hàng tháng, có chữ ký người mượn mang tên L3 và người thừa kế là Đỗ Hoài Ph;

- Biên nhận mượn nợ ngày 23/01/2020 âm lịch, ghi số tiền mượn tổ góp vốn xoay vòng là 44.880.000đ và **còn nợ lại tổ góp vốn xoay vòng là 60.000.000đ**, hứa trả 03 tháng 01 lần 5.000.000đ, vào ngày 23 mỗi 03 tháng, có chữ ký người mượn mang tên L3 và người thừa kế mang tên Đỗ Hoài Ph;

Về Kết luận giám định số 1186/KL-KTHS ngày 09/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An thì bà Nguyễn Thị L3 và ông Đỗ Minh H3 thống nhất. Bà L3 xác định đúng là bà có ký tên vào các biên nhận đã nêu trong Kết luận giám định, nhưng tại thời điểm ký bà không biết đó là biên nhận mượn nợ nên mới ký tên vào theo yêu cầu của bà Ph. Khi bà Ph đưa cho bà ký thì bà Ph nói đây là các giấy tờ giao hụi nên bà mới ký vào.

- Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12/3/2023, bị đơn Đỗ Hoài Ph xác định không hề biết gì đề việc chơi hụi giữa bà Lê Kim Ph với mẹ anh là bà Nguyễn Thị L3. Anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên hòa giải, xét xử vụ án trên.

- Tại biên bản đối chất ngày 04/4/2023, nguyên đơn là bà Lê Kim Ph và bị đơn là bà Nguyễn Thị L3 thể hiện ý kiến như sau:

- Nguyên đơn Lê Kim Ph và bị đơn Nguyễn Thị L3 đã được xem bản gốc sổ hụi (hiện do bà Ph giữ) và bản pho to các tờ hụi được pho to từ sổ hụi gốc do bà Ph cung cấp và có ý kiến như sau:

1. Tờ khui hụi ngày 15/3/2018, hụi 1.000.000đ, đăng tiền ngày 20 hàng tháng, bà Ph xác định trong phần hụi này bà L3 còn nợ lại số tiền 4.000.000đ, bà L3 thống nhất còn nợ lại số tiền 4.000.000đ trong dây hụi này gồm:

- Nợ bà Đinh Tuyết Ng số tiền 1.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph số tiền 3.000.000đ *(trong đó đã gồm phần bà Ph chàng trả cho bà Trần Thị Ánh Ng, tên gọi khác là Lầu số tiền 1.000.000đ)*. Bà L3 thống nhất trả phần nợ này.

2. Tờ khui hụi ngày 01/7/2018, hụi 500.000đ, đăng tiền ngày 02 hàng tháng. Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất có 39 phần hụi, bà L3 tham gia 02 phần, bà Ph tham gia 04 phần.

- Bà L3 xác định đối với dây hụi này bà tham gia 02 phần, mỗi phần 500.000đ, trong đó:

+ Phần 500.000đ đầu tiên bà L3 đã đóng hụi sống 23 kỳ, số tiền đóng bao nhiêu thì không nhớ rõ và bà L3 đã hốt vào kỳ 23 được số tiền 15.550.000đ, còn 16 kỳ chưa đóng hụi chết với số tiền 8.000.000đ.

+ Phần 500.000đ thứ hai bà L3 đã đóng hụi sống 23 kỳ rồi ngưng, nhưng không nhớ rõ số tiền đóng cụ thể và phần này bà L3 chưa hốt hụi.

Do đó, đối với dây hụi này bà L3 chỉ thừa nhận còn nợ có 8.000.000đ, đồng ý trả cho bà Ph số tiền này.

- Bà Ph xác định đối với dây hụi này bà L3 tham gia 02 phần, mỗi phần 500.000đ, trong đó:

+ Phần hụi 500.000đ đầu tiên bà L3 đã đóng hụi sống 09 kỳ, số tiền đóng bao nhiêu thì không nhớ rõ và bà L3 đã hốt vào ngày 01/3/2019 (kỳ thứ 9) được số tiền 15.550.000đ, còn 30 kỳ chưa đóng hụi chết với số tiền 15.000.000đ.

+ Phần hụi 500.000đ thứ hai bà L3 đã đóng hụi sống 09 kỳ. Sau đó, bà L3 có qua kêu bà Ph cho ứng trước số tiền 15.550.000đ, bà Ph có đưa cho bà L3 số tiền ứng trước 15.550.000đ này. Đến ngày 01/4/2019 (kỳ 10) là ngày bà L3 hốt hụi nhưng bà Ph là người trực tiếp hốt thay cho bà L3 số tiền 16.060.000đ, trừ vào số 15.550.000đ mà bà L3 đã ứng trước, phần chênh lệch 510.000đ là do bà Ph hưởng. Như vậy, phần hụi 500.000đ thứ hai này bà L3 còn phải đóng hụi chết 28 phần thành tiền là 14.000.000đ.

Tổng cộng 02 phần thì bà L3 còn nợ số tiền 29.000.000đ. Trong thời gian sau đó, bà L3 có trả cho một số hụi viên số tiền 11.000.000đ, còn nợ lại 18.000.000đ, trong đó nợ: bà Nguyễn Thị Nh 3.000.000đ; bà Phạm Thị Thu N(Nương) 1.000.000đ; bà Trương Thị L 1.000.000đ; bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 1.000.000đ; bà Lê Kim Ph 8.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph trả chàng cho bà Lê Hồng C 1.000.000đ, bà Nguyễn Thị L 1.000.000đ, bà Trần Thị Ánh Ng (Lầu) 1.000.000đ, bà Lê Ngọc Đ 1.000.000đ)*; bà Nguyễn Ngọc H 1.000.000đ; bà Đinh Tuyết Ng 1.000.000đ; bà Lê Thị G 2.000.000đ nhưng bà G không kiện nên đã trừ ra và còn lại đúng 16.000.000đ.

3. Tờ khui hụi ngày 25/7/2018, hụi 2.000.000đ, đăng tiền ngày 30 hàng tháng. Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất có 32 phần hụi, bà L3 tham gia 01 phần, bà Ph tham gia 03 phần.

- Bà L3 trình bày là trong dây hụi này bà L3 cũng đã đóng nhiều kỳ, nhưng không nhớ rõ. Khi đến ngày bà L3 hốt hụi thì bà L3 không trực tiếp hốt hụi mà do bà Ph đứng ra hốt với số tiền là 55.500.000đ. Sau khi bà Ph hốt xong số tiền 55.500.000đ hụi này xong thì không có giao lại cho bà L3 mà tự ý trừ lần lần vào các khoản hụi mà bà L3 phải đóng nhưng bà L3 không biết. Nếu bà Ph cho rằng bà Ph có giao cho bà L3 số tiền 55.500.000đ hụi này thì phải có chứng cứ chứng minh.

- Bà Phụng trình bày trong dây hụi này thì bà L3 tham gia 01 phần. Bà L3 đã đóng hụi sống được 06 kỳ và bà L3 đã hốt hụi với số tiền 55.500.000đ vào kỳ 6. Sau khi hốt hụi thì bà L3 có đóng hụi chết được thêm 17 kỳ thành tiền 34.000.000đ. do đó, đối với dây hụi này bà L3 còn nợ 22.000.000đ, trong đó nợ bà Nguyễn Thị Mỹ L 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 14.000.000đ *(gồm 8.000.000đ do bà Ph trả chàng cho bà Lê Hồng C 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị Lệ Q 2.000.000đ, bà Lê Thị C 2.000.000đ, bà Phạm Thị Nh 2.000.000đ, phần còn lại 6.000.000đ là của bà Ph)*; nợ bà Nguyễn Thị B 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 2.000.000đ; nợ bà Phạm Thị Ph (Gái). Nhưng bà Ph (Gái) không đi kiện do bà L3 đã trả xong cho bà Ph (Gái). Do đó, đối với dây hụi này bà L3 còn nợ lại 20.000.000đ. Bà Ph xác định không có việc: *"Đến ngày bà L3 hốt hụi thì bà L3 không trực tiếp hốt hụi mà do bà Ph đứng ra hốt với số tiền là 55.500.000đ. Sau khi bà Ph hốt xong số tiền 55.500.000đ hụi này xong thì không có giao lại cho bà L3 mà tự ý trừ lần lần vào các khoản hụi mà bà L3 phải đóng nhưng bà L3 không biết"* như lời của bà L3 trình bày.

4. Tờ khui hụi ngày 05/12/2018, hụi 2.000.000đ, đăng tiền ngày 10 hàng tháng. Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất có 27 phần hụi, bà L3 tham gia 01 phần, bà Ph tham gia 03 phần.

Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất trong dây hụi này bà L3 còn nợ lại số tiền 20.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị Nh 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị B 2.000.000đ; nợ bà Trần Thị Ái Ng 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 12.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph trả chàng cho bà Nguyễn Thị L 2.000.000đ, bà Lê Thị C 2.000.000đ, Lê Ngọc Đ 2.000.000đ)*.

5. Tờ khui hụi ngày 12/3/2019, hụi 1.000.000đ, đăng tiền ngày 17 hàng tháng. Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất có 31 phần hụi, bà L tham gia 02 phần, bà Ph tham gia 03 phần.

Bà Ph và bà L cùng thống nhất trong dây hụi này bà L còn nợ lại số tiền 33.000.000đ, trong đó: nợ bà Nguyễn Thị Nh 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 số tiền 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Ngọc H 4.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị M 2.000.000đ; nợ bà Trần Thị Ái Ng 2.000.000đ; nợ bà Phạm Thị N (Nương) 2.000.000đ; nợ bà Lê Kim Ph 15.000.000đ *(gồm cả phần bà Ph trả chàng cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 số tiền 2.000.000đ, bà M em bà H sinh năm 1977 là 1.000.000đ, ông Đ số tiền 2.000.000đ, ông Năm B 2.000.000đ, bà Phạm Thị N 2.000.000đ).*

6. Tờ khui hụi ngày 18/4/2019, hụi 5.000.000đ, đăng tiền ngày 23 hàng tháng. Bà Ph và bà L3 cùng thống nhất có 22 phần hụi, bà L3 tham gia 01 phần, bà Ph tham gia 03 phần.

- Bà L3 xác định đối với dây hụi này bà có đóng hụi sống và đã hốt hụi, nhưng không nhớ rõ số tiền bao nhiêu. Đến nay bà L3 xác định còn nợ 10 phần hụi chết đối với dây hụi này là 50.000.000đ. Tuy nhiên, bà chỉ đồng ý trả nợ gốc là 25.000.000đ (vì bể hụi nên nợ hụi gốc không tính lãi) tương ứng với 10 phần hụi chết chưa đóng (mỗi phần gốc là 2.500.000đ tương ứng 10 phần là 25.000.000đ).

- Bà Ph xác định xác định đối với dây hụi này bà L3 có đóng hụi sống được 03 kỳ, đến kỳ thứ 4 thì bà L3 hốt hụi được 44.880.000đ. Như vậy bà L3 còn phải đóng lại 12 kỳ hụi chết tương thành tiền là 60.000.000đ, nhưng do có 02 hụi viên đã được bà L3 trả rồi nên bà L3 chỉ còn nợ lại 10 phần hụi chết tương ứng thành tiền là 50.000.000đ. Trong đó nợ: bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 là 10.000.000đ; bà Nguyễn Thị L (Lan) là 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 là 5.000.000đ; bà Phạm Thị Thu N (Nương) 5.000.000đ; bà Lê Kim Ph là 25.000.000đ *(trong đó đã bao gồm phần bà Ph trả chàng cho bà T 5.000.000đ, bà G 5.000.000đ)*.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

- Bà Ph và bà Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi một phần trong các bản tự khai đã nộp và biên bản đối chất ngày 04/4/2023. Bà Ph với tư cách là nguyên đơn và còn là đại diện cho bà Trương Thị L; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị L; bà Phạm Thị Thu N không đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị L3 về việc xin trả số tiền gốc 25.000.000đ trong dây khui hụi ngày 18/4/2019, hụi 5.000.000đ, vẫn giữ yêu cầu buộc phía bị đơn phải trả số tiền nợ 50.000.000đ của dây khui hụi ngày 18/4/2019.

- Bà Nguyễn Thị L3 thống nhất khoản tiền nợ hụi đối với các dây hụi sau khui theo các ngày sau: ngày 15/3/2018 loại hụi 1.000.000đ còn nợ **4.000.000đ**; ngày 05/12/2018 loại hụi 2.000.000đ còn nợ **20.000.000đ**, ngày 12/3/2019 loại hụi 1.000.000đ còn nợ **33.000.000đ**, ngày 18/4/2019 loại hụi 5.000.000đ nợ **50.000.000đ** nhưng xin chỉ trả tiền gốc 25.000.000đ. Đối với hụi khui ngày

01/7/2018 loại hụi 500.000đ thì bà L3 chỉ thừa nhận còn nợ có 8.000.000đ, không phải là **16.000.000đ** như phía bà Ph trình bày. Đối với dây hụi ngày 25/7/2018 loại hụi 2.000.000đ thì bà L3 xác định không có hốt hụi nên không còn nợ số tiền **20.000.000đ** như phía nguyên đơn trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi góp vốn xoay vòng"* là đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Ph và các đồng nguyên đơn đã cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc bị đơn là bà Nguyễn Thị L3 hiện còn nợ lại khoản tiền hụi thể hiện tại các tờ khui hụi vào các ngày 15/3/2018; 01/7/2018; 25/7/2018; 05/12/2018; 12/3/2019; 18/4/2019, các biên nhận mượn nợ ngày 25/10/2018, 05/5/2019, 01/3/2019, 17/5/2019, 23/01/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L3 cũng thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà Lê Kim Ph tổ chức và hiện còn nợ tiền đối với các dây hụi bà tham gia. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất 04/4/2023 và tại phiên tòa bà L3 có ý kiến cho rằng đối với dây hụi khui ngày 01/7/2018 loại hụi 500.000đ, bà chỉ còn nợ 8.000.000đ; đối với dây hụi khui ngày 25/7/2018 loại hụi 2.000.000đ thì bà L3 xác định không có hốt hụi với số tiền 55.500.000đ nên không còn nợ số tiền 20.000.000đ; đối dây hụi ngày 18/4/2019 loại hụi 5.000.000đ bà L3 chỉ đồng ý trả tiền gốc 25.000.000đ của khoản nợ 50.000.000đ. Xét thấy, qua đối chiếu với các biên nhận mượn nợ ngày 01/3/2019 tương ứng với dây hụi khui ngày 01/7/2018, biên nhận mượn nợ ngày 25/10/2018 tương ứng với dây hụi khui ngày 25/7/2018, biên nhận mượn nợ ngày 23/01/2020 tương ứng dây hụi khui ngày 18/4/2019, thì bà L3 có ký tên vào các biên nhận nợ trên và tại Kết luận giám định số 1186/KL-KTHS ngày 09/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận chữ viết "lan" bằng bút bi màu xanh, ở mục "người ký tên" trên các tờ "biên nhận mượn nợ" với chữ viết "lan" trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Hơn nữa, các ý kiến của bà L3 không được phía nguyên đơn chấp nhận. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu bà L3 trả số nợ hụi là 143.000.000đ là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc ông H3, anh Ph cùng liên đới trách nhiệm với bà L3 trả tiền nợ hụi cho các nguyên đơn, nhận thấy: Việc bà L3 trình bày bà tham gia chơi hụi là của cá nhân bà L3, không liên quan đến ông H3 (chồng bà L3) và anh Ph (con bà L3 và ông H3). Tuy nhiên, bà L3 thừa nhận mục đích bà chơi hụi là để phục vụ cho chi tiêu, sinh hoạt gia đình. Ông H3 cũng xác định ngoài việc chơi hụi để có thu nhập thì bà L3 không có việc làm nào khác để tạo thu nhập và người quản lý tiền, chi tiêu hằng ngày của gia đình là bà L3. Hơn nữa, bà L3 và ông H3 trong thời gian bà L3 tham gia các

dây hụi vẫn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Do đó, ông H3 phải chịu trách nhiệm liên đới với bà L3 cùng trả số nợ hụi trên. Đối với anh Ph các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh anh Ph tham gia chơi hụi hay đồng ý cùng trả nợ với bà L3 và ông H3, do đó không có căn cứ buộc anh Ph phải liên đới cùng trả nợ với bà L3 và ông H3.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà L3 và ông H3 liên đới trách nhiệm trả cho các nguyên đơn số tiền nợ hụi là 143.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là từ số tiền yêu cầu ban đầu là 154.000.000đ xuống còn 143.000.000đ, việc thay đổi khoản tiền yêu cầu khởi kiện này là thấp hơn khoản tiền mà nguyên đơn đã yêu cầu theo đơn kiện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này của các nguyên đơn.

[1.3] Xét quan hệ pháp luật điều chỉnh tranh chấp giữa các bên, thấy rằng: Bị đơn là bà L3 ngay từ đầu đã xác định giao dịch giữa bà và các nguyên đơn là hụi, không phải là giao dịch mượn tiền của tổ góp vốn. Các nguyên đơn thì trong các đơn kiện, bản khai ban đầu xác định giao dịch giữa các bên là góp vốn xoay vòng nên kiện đòi khoản tiền bà L3 đã mượn của tổ góp vốn chưa trả theo các biên nhận mượn nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía các nguyên đơn đã thừa nhận thực tế đây là việc các bên tham gia chơi hụi có lãi do bà Lê Kim Ph tổ chức, bà L3 cùng các nguyên đơn cũng là một trong các hụi viên, bà Ph là người chịu trách nhiệm lập danh sách hụi viên, tổ chức khui hụi và thu tiền hụi của các hụi viên khác trong dây hụi để giao lại cho hụi viên hốt hụi trong kỳ mở hụi. Bà Ph được hưởng hoa hồng theo từng kỳ hốt hụi của hụi viên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa các bên là "giao dịch về hụi có lãi", chịu sự điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hụi, họ, biêu, phường. Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là "Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo hình thức góp vốn xoay vòng".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về xác định số tiền nợ hụi, thấy rằng: Theo nội dung các chứng cứ gồm: tờ khui hụi vào các ngày 15/3/2018; 01/7/2018; 25/7/2018; 05/12/2018; 12/3/2019; 18/4/2019, các biên nhận mượn nợ ngày 25/10/2018, 05/5/2019,

01/3/2019, 17/5/2019, 23/01/2020; kết luận giám định số 1186 ngày 09/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An, biên bản đối chất ngày 04/4/2023 và ý kiến thừa nhận của phía nguyên đơn cũng như của bà L3 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị L3 (bị đơn) có tham gia chơi các dây hụi do bà Lê Kim Ph tổ chức và hiện còn nợ lại các nguyên đơn khoản tiền hụi theo các dây hụi khui ngày: 15/3/2018; 01/7/2018; 25/7/2018; 05/12/2018; 12/3/2019; 18/4/2019 với tổng số tiền là 143.000.000đ. Đây là khoản tiền hụi mà lẽ ra bà L3 có nghĩa vụ đóng lại cho bà Ph để bà Ph giao tiền hụi lại cho các hụi viên khác trong các kỳ khui hụi tiếp theo *(sau khi bà L3 đã hốt hụi của các dây hụi nêu trên)* nhưng bà L3 không đóng, nên các nguyên đơn mới kiện đòi.

[2.2] Xét ý kiến bà L3 cho rằng đối với dây hụi khui ngày 01/7/2018 loại hụi 500.000đ, bà chỉ còn nợ 8.000.000đ nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận, trong khi bà L3 ký vào biên nhận mượn nợ ngày 01/3/2019 thể hiện 02 khoản nợ là 19.000.000đ *(phía nguyên đơn xác định sau khi trừ đi khoản tiền 3.000.000đ bà L3 đã trả cho hụi viên khác thì dây hụi này bà Lan còn nợ lại 16.000.000đ)*, nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà L3 về việc chỉ còn nợ 8.000.000đ đối với dây hụi khui ngày 01/7/2018.

[2.3] Đối với ý kiến bà L3 xác định dây hụi khui ngày 25/7/2018 loại hụi 2.000.000đ thì bà L3 xác định không có hốt hụi với số tiền 55.500.000đ nên không còn nợ số tiền 20.000.000đ như phía nguyên đơn trình bày, thấy rằng: Phía nguyên đơn là bà Ph không thừa nhận có việc tự hốt hụi và cấn trừ vào các khoản đóng hụi khác của bà L3 với số tiền 55.500.000đ như lời bà L3 trình bày. Đối chiếu biên nhận mượn nợ ngày 25/10/2018 cho dây hụi khui ngày 25/7/2018 loại hụi 2.000.000đ thì bà L3 có ký tên và thừa nhận nợ số tiền 56.000.000đ, do đó ý kiến của bà L3 về việc không còn nợ tiền của dây hụi này là không có cơ sở chấp nhận, việc bà Ph xác định dây hụi khui ngày 25/7/2018 loại hụi 2.000.000đ bà L3 còn nợ 20.000.000đ là phù hợp.

[2.4] Đối với ý kiến của bà L3 xin trả tiền gốc 25.000.000đ của khoản nợ 50.000.000đ trong dây hụi ngày 18/4/2019 loại hụi 5.000.000đ, nhưng không được bà Ph đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị xin trả khoản tiền gốc 25.000.000đ của bà L3.

[2.5] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc ông H3, anh Ph cùng liên đới trách nhiệm cùng bà L3 trả tiền nợ hụi cho các nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà L3 chỉ thừa nhận cá nhân bà tham gia chơi hụi, không liên quan đến ông H3 (chồng bà L3) và anh Ph (con bà L3 và ông H3). Các nguyên đơn xác định khi chơi hụi thì chỉ có bà L3 tham gia, nhưng khi bà L3 hốt hụi thì bà L3 có ký giấy mượn nợ của các hụi viên, ông H3 và anh Ph có ký tên vào giấy mượn nợ với tư cách là ‘Người thừa kế” nên các nguyên đơn mới tin tưởng để bà L3 hốt hụi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông H3 và anh Ph không là người trực tiếp tham gia chơi hụi cùng các nguyên đơn trong các dây hụi cho bà Ph tổ chức, việc ông H3 và anh Ph có ký tên với là ‘Người thừa kế” trên các bên nhận mượn nợ không đồng nghĩa với việc ông H3, anh Ph có tham gia chơi hụi,

không đồng nghĩa với việc ông H3, anh Ph có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, bà L3 thừa nhận việc bà chơi hụi là để phục vụ cho chi tiêu, sinh hoạt gia đình. Ông H3 cũng xác định ngoài việc chơi hụi để có thu nhập thì bà L3 không có việc làm nào khác để tạo thu nhập và người quản lý tiền, chi tiêu hằng ngày của gia đình là bà L3. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, ông H3 là chồng của bà L3 phải chịu trách nhiệm liên đới với bà L3 trong việc trả nợ phát sinh từ giao dịch do bà L3 thực hiện nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đối với anh Ph (con bà L3 và ông H3), các nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác chứng minh anh Ph tham gia chơi hụi hay đồng ý cùng trả nợ với bà L3 và ông H3, pháp luật hiện hành không có quy định nào buộc con phải cùng chịu trách nhiệm liên đới với cha mẹ để trả nợ đối với giao dịch do cha mẹ thực hiện, nên không có căn cứ buộc anh Ph phải liên đới cùng trả nợ với bà L3 và ông H3. Do đó, cần buộc bà L3 và ông H3 liên đới trách nhiệm trả cho các nguyên đơn số tiền nợ hụi là 143.000.000đ, trong đó trả cho: Bà Lê Kim Ph là 77.000.000đ, bà Nguyễn Thị Nh là 9.000.000đ, bà Phan Thị Thu N (Nương) 8.000.000đ, bà Trương Thị L là 1.000.000đ, bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 5.000.000đ, bà Nguyễn Ngọc H là 5.000.000đ, bà Đinh Tuyết Ng là 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 là 14.000.000đ, bà Nguyễn Thị M là 2.000.000đ, bà Trần Thị ái Ng là 4.000.000đ, bà Nguyễn Thị B là 4.000.000đ, bà Nguyễn Thị Mỹ L là 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 là 5.000.000đ, bà Nguyễn Thị L (Lan) là 5.000.000đ.

[3] Về chi phí tố tụng là 6.000.000đ, thấy rằng: Do phía bà L3 không thừa nhận chữ ký, chữ viết mang tên "L3" trên các biên nhận mượn tiền là do bà Lan ký và viết ra, nên phía nguyên đơn mới yêu cầu giám định. Kết luận giám định xác định đúng là do bà L3 ký và viết ra, nên người phải chịu chi phí giám định là bà L3. Do phía bà Ph đã tạm nộp số tiền 6.000.000đ tạm ứng chi phí giám định, nên cần buộc bà L3 phải hoàn lại cho bà Ph số tiền 6.000.0000đ.

[4] Những phân tích trên cũng là căn cứ cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà L3 và ông H3 phải liên đới trách nhiệm chịu án phí với số tiền là 7.150.000đ. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 244, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị L3, ông Đỗ Minh H3 liên đới trách nhiệm trả cho các nguyên đơn (do bà Lê Kim Ph đại diện nhận) tổng số tiền nợ hụi là 143.000.000đ, trong đó trả cho: Bà Lê Kim Ph là 77.000.000đ, bà Nguyễn Thị Nh là 9.000.000đ, bà Phan Thị Thu N (Nương) 8.000.000đ, bà Trương Thị L là 1.000.000đ, bà Nguyễn Thanh Th (Lan) 5.000.000đ, bà Nguyễn Ngọc H là 5.000.000đ, bà Đinh Tuyết Ng là 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1977 là 14.000.000đ, bà Nguyễn Thị M là 2.000.000đ, bà Trần Thị Ái Ng là 4.000.000đ, bà Nguyễn Thị Bạc là 4.000.000đ, bà Nguyễn Thị Mỹ L là 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 là 5.000.000đ, bà Nguyễn Thị L (Lan) là 5.000.000đ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị L3 phải hoàn lại cho bà Lê Kim Ph số tiền 6.000.0000đ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc anh Đỗ Hoài Ph liên đới trách nhiệm trả nợ.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L3, ông Đỗ Minh H3 phải liên đới trách nhiệm nộp 7.150.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các nguyên đơn (do bà Lê Kim Ph đại diện) khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000đ theo biên lai thu số 0004404 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các nguyên đơn gồm: Bà Lê Kim Ph, bà Nguyễn Thị Nh, Bà Trương Thị L; bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác là Lan); bà Phạm Thị Thu N (tên gọi khác là Nương); bị đơn là bà Nguyễn Thị L3, ông Đỗ Minh H3 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Thạnh;
-Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh